

Số: /QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đặt số hiệu đường xã trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4743/TTr-SXD ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc đặt số hiệu đường xã và thẩm quyền công bố đường xã trên địa bàn tỉnh An Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này đặt số hiệu các tuyến đường xã do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý và thẩm quyền công bố đường xã trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Những nội dung không được quy định tại Quyết định này thì được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác đặt số hiệu đường xã do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Quy định đặt số hiệu đường xã trên địa bàn tỉnh An Giang

1. Nguyên tắc xác định các tuyến đường đặt số hiệu và đơn vị thực hiện:

Ủy ban nhân dân cấp xã xác định và phân loại đường xã do Ủy ban nhân dân xã quản lý, theo nguyên tắc được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 8 Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024.

2. Quy định về đặt số hiệu đường xã như sau:

a) Đường xã: gồm chữ và 2 mã số: “ĐX.Mã số địa phương.Mã số đường”.

b) Cách xác định mã số:

- Mã số địa phương: được xác định theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- Mã số đường: do Ủy ban nhân dân cấp xã xác định theo thứ tự số tự nhiên, bắt đầu từ số 01. Trường hợp có đường thứ hai trùng mã số đường đã đặt, phải thêm vào các chữ cái B, C, D vào phía sau mã số đường để đặt cho đường thứ hai và các đường tiếp theo.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thực hiện đặt số hiệu đường xã do mình quản lý theo Quyết định này.

2. Giám đốc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (*Thủ trưởng*) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Đường bộ Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật – Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, P.KT, TT CBTH;
- Lưu: VT, tnvnam “HT”.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Công Thúc

PHỤ LỤC

MÃ SỐ ĐỊA PHƯƠNG QUY ĐỊNH ĐẶT SỐ HIỆU ĐƯỜNG
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã số địa phương
1	Xã An Biên	01
2	Xã An Châu	02
3	Xã An Cư	03
4	Xã An Minh	04
5	Xã An Phú	05
6	Xã Ba Chúc	06
7	Xã Bình An	07
8	Phường Bình Đức	08
9	Xã Bình Giang	09
10	Xã Bình Hòa	10
11	Xã Bình Mỹ	11
12	Xã Bình Sơn	12
13	Xã Bình Thạnh Đông	13
14	Xã Cần Đăng	14
15	Phường Châu Đốc	15
16	Xã Châu Phong	16
17	Xã Châu Phú	17
18	Xã Châu Thành	18
19	Phường Chi Lăng	19
20	Xã Chợ Mới	20
21	Xã Chợ Vàm	21
22	Xã Cô Tô	22
23	Xã Cù Lao Giêng	23
24	Xã Định Hòa	24
25	Xã Định Mỹ	25

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã số địa phương
26	Xã Đông Hòa	26
27	Xã Đông Hưng	27
28	Xã Đông Thái	28
29	Xã Giang Thành	29
30	Xã Giồng Riềng	30
31	Xã Gò Quao	31
32	Phường Hà Tiên	32
33	Xã Hòa Điền	33
34	Xã Hòa Hưng	34
35	Xã Hòa Lạc	35
36	Xã Hòa Thuận	36
37	Xã Hội An	37
38	Xã Hòn Đất	38
39	Xã Hòn Nghệ	39
40	Xã Khánh Bình	40
41	Đặc khu Kiên Hải	41
42	Xã Kiên Lương	42
43	Xã Long Điền	43
44	Xã Long Kiến	44
45	Phường Long Phú	45
46	Xã Long Thạnh	46
47	Phường Long Xuyên	47
48	Xã Mỹ Đức	48
49	Xã Mỹ Hoà Hưng	49
50	Phường Mỹ Thới	50
51	Xã Mỹ Thuận	51
52	Xã Ngọc Chúc	52
53	Xã Nhơn Hội	53
54	Xã Nhơn Mỹ	54
55	Xã Núi Cấm	55

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã số địa phương
56	Xã Óc Eo	56
57	Xã Ô Lâm	57
58	Xã Phú An	58
59	Xã Phú Hòa	59
60	Xã Phú Hữu	60
61	Xã Phú Lâm	61
62	Đặc khu Phú Quốc	62
63	Xã Phú Tân	63
64	Phường Rạch Giá	64
65	Xã Sơn Hải	65
66	Xã Sơn Kiên	66
67	Xã Tân An	67
68	Phường Tân Châu	68
69	Xã Tân Hiệp	69
70	Xã Tân Hội	70
71	Xã Tân Thạnh	71
72	Xã Tây Phú	72
73	Xã Tây Yên	73
74	Xã Thạnh Đông	74
75	Xã Thạnh Hưng	75
76	Xã Thạnh Lộc	76
77	Xã Thạnh Mỹ Tây	77
78	Xã Thoại Sơn	78
79	Phường Thới Sơn	79
80	Đặc khu Thổ Châu	80
81	Xã Tiên Hải	81
82	Phường Tịnh Biên	82
83	Phường Tô Châu	83
84	Xã Tri Tôn	84
85	Xã U Minh Thượng	85

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã số địa phương
86	Xã Vân Khánh	86
87	Xã Vĩnh An	87
88	Xã Vĩnh Bình	88
89	Xã Vĩnh Điều	89
90	Xã Vĩnh Gia	90
91	Xã Vĩnh Hanh	91
92	Xã Vĩnh Hậu	92
93	Xã Vĩnh Hòa	93
94	Xã Vĩnh Hòa Hưng	94
95	Xã Vĩnh Phong	95
96	Xã Vĩnh Thạnh Trung	96
97	Phường Vĩnh Tế	97
98	Phường Vĩnh Thông	98
99	Xã Vĩnh Thuận	99
100	Xã Vĩnh Trạch	100
101	Xã Vĩnh Tuy	101
102	Xã Vĩnh Xương	102